

KẾ HOẠCH

Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa, năm 2018

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 359/TTr-SKHCN ngày 07/5/2018 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa, năm 2018; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, bao gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh đúng theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, hoàn thành nhiệm vụ theo đúng trình tự hướng dẫn, chuyên biến tác phong làm việc theo hướng chuyên nghiệp, tiến tới nền hành chính hiện đại với phương châm công khai, minh bạch, văn minh, lịch sự.

2. Yêu cầu

- Thực hiện kiểm tra đảm bảo tính khách quan, khoa học và hiệu quả.

- Kiểm tra đánh giá phải phản ánh đúng thực tế việc duy trì và cải tiến theo đúng phạm vi xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL. Qua kiểm tra rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành cũng như những vấn đề nảy sinh, bất cập trong quá trình áp dụng, duy trì HTQLCL và những kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của việc áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Đối tượng

Các cơ quan hành chính nhà nước đã xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trên địa bàn tỉnh (136 cơ quan).

2. Phạm vi

Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và việc tuân thủ các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hình thức kiểm tra

- Kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo đối với 136 cơ quan thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (*Phụ lục 1: Danh sách cơ quan, đơn vị kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo*).

- Kiểm tra trực tiếp tại trụ sở cơ quan đối với 25 cơ quan về việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (*Phụ lục 2: Danh sách cơ quan, đơn vị kiểm tra trực tiếp tại trụ sở*).

III. NỘI DUNG

1. Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008

- Kiểm tra toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan;

- Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL;

- Sự tuân thủ của cơ quan đối với yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 như: Chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định khác và các yêu cầu pháp luật có liên quan;

- Việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL;

- Hoạt động xem xét của lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp;

- Hoạt động xử lý các khiếu nại có liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL (nếu có);

- Hoạt động cải tiến trong HTQLCL.

2. Kiểm tra việc tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Việc đảm bảo sự tham gia của lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng HTQLCL;
- Việc người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL;
- Việc công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có);
- Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL;
- Việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL;
- Việc lựa chọn tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

Dự kiến kiểm tra từ tháng 7 đến hết 10/10/2018.

2. Trách nhiệm thực hiện

2.1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh;

- Ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, thành phần bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ và tổ chức chứng nhận (khi cần thiết) để tổ chức việc kiểm tra theo đúng Kế hoạch, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh; Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/11/2018;

- Đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động kiểm tra theo quy định.

2.2. Các cơ quan, đơn vị chịu sự kiểm tra theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ

- Các cơ quan, đơn vị (136 cơ quan có danh sách kèm theo tại Phụ lục 1) tự rà soát, đánh giá (Rà soát hệ thống tài liệu, đánh giá nội bộ, họp xem xét HTQLCL của lãnh đạo ...) báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 năm 2018 (theo đề cương kèm theo Kế hoạch này) và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/7/2018;

- Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra tại trụ sở (25 cơ quan có danh sách kèm theo tại Phụ lục 2) chuẩn bị hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 để làm việc với Đoàn kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ theo đúng Kế hoạch;

Bố trí thành phần làm việc với Đoàn kiểm tra gồm: Lãnh đạo cơ quan, Ban chỉ đạo thực hiện ISO và các thành phần có liên quan.

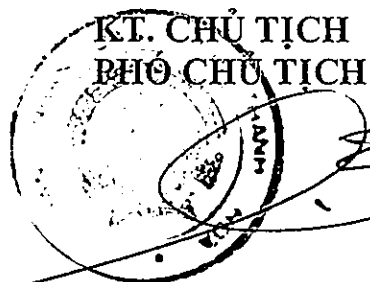
3. Kinh phí thực hiện

Sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học đã được phân bổ cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng năm 2018;

Yêu cầu các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo);
- T. tr Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để thực hiện);
- Các Sở; Ban; ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Pg NN



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục 1
DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂM TRA QUA HỒ SƠ, BÁO CÁO
(kèm theo Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh)

TT	Cơ quan, đơn vị	Ghi chú
1	UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	
	Các Sở	
2	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Sở Nội vụ	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Sở Xây dựng	
6	Sở Công Thương	
7	Sở Tài chính	
8	Sở Tư pháp	
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	
11	Sở Thông tin và Truyền thông	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
13	Sở Y tế	
14	Sở Giao thông vận tải	
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
16	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
17	Sở Ngoại vụ	
	Các Ban, ngành	
18	Thanh tra tỉnh	
19	Ban quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa	
20	Ban Dân tộc	
21	Ban Thi đua Khen thưởng (Sở Nội vụ)	
22	Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ)	
23	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	
	Các Chi cục trực thuộc Sở	
24	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Sở KH&CN)	
25	Chi cục Quản lý thị trường (Sở Công Thương)	
26	Chi cục Bảo vệ thực vật (Sở NN&PTNT)	
27	Chi cục Thú y (Sở NN&PTNT)	
28	Chi cục Kiểm lâm (Sở NN&PTNT)	
29	Chi cục Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT)	
30	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Sở NN&PTNT)	
31	Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường)	
32	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội (Sở LĐTB&XH)	
33	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình (Sở Y tế)	
34	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (Sở Y tế)	

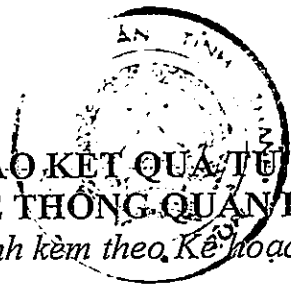
35	Chi cục Văn thư lưu trữ (Sở Nội vụ)	
36	Chi cục Biển và Hải đảo (Sở Tài nguyên và Môi trường)	
37	Chi cục Lâm nghiệp (Sở NN&PTNT)	
38	Chi cục Thủy lợi (Sở NN&PTNT)	
39	Chi cục Đê điều (Sở NN&PTNT)	
40	Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Sở NN&PTNT)	
	UBND các huyện, thành phố, thị xã	
41	UBND huyện Hậu Lộc	
42	UBND thị xã Bim Sơn	
43	UBND huyện Hà Trung	
44	UBND huyện Nga Sơn	
45	UBND huyện Đông Sơn	
46	UBND thành phố Thanh Hóa	
47	UBND thành phố Sầm Sơn	
48	UBND huyện Hoằng Hóa	
49	UBND huyện Quảng Xương	
50	UBND huyện Tĩnh Gia	
51	UBND huyện Thọ Xuân	
52	UBND huyện Nông Cống	
53	UBND huyện Ngọc Lặc	
54	UBND huyện Bá Thước	
55	UBND huyện Quan Sơn	
56	UBND huyện Lang Chánh	
57	UBND huyện Thiệu Hóa	
58	UBND huyện Yên Định	
59	UBND huyện Vĩnh Lộc	
60	UBND huyện Thạch Thành	
61	UBND huyện Quan Hóa	
62	UBND huyện Như Thanh	
63	UBND huyện Mường Lát	
64	UBND huyện Triệu Sơn	
65	UBND huyện Thường Xuân	
66	UBND huyện Cẩm Thủy	
67	UBND huyện Như Xuân	
	UBND các xã áp dụng thí điểm	
68	UBND phường Quảng Cư	TP. Sầm Sơn
69	UBND thị trấn Quán Lào	Yên Định
70	UBND xã Định Tường	
71	UBND xã Định Long	
72	UBND xã Định Bình	
73	UBND xã Định Hưng	
74	UBND xã Định Tân	
75	UBND xã Định Hòa	

76	UBND xã Định Tiến	Tĩnh Gia
77	UBND xã Định Hải	
78	UBND xã Định Thành	
79	UBND thị trấn Tĩnh Gia	
80	UBND xã Bình Minh	
81	UBND xã Hải Châu	Quảng Xương
82	UBND xã Tân Dân	
83	UBND thị trấn Quảng Xương	
84	UBND xã Quảng Hợp	
85	UBND xã Quảng Tân	
86	UBND xã Quảng Phong	
87	UBND xã Quảng Văn	
88	UBND xã Quảng Bình	
89	UBND xã Quảng Ngọc	
90	UBND xã Quảng Đức	
91	UBND xã Quảng Ninh	
92	UBND thị trấn Bút Sơn	
93	UBND xã Hoàng Thắng	
94	UBND xã Hoàng Vinh	
95	UBND xã Hoàng Phúc	
96	UBND xã Hoàng Đồng	
97	UBND xã Hoàng Hợp	
98	UBND xã Hoàng Đạt	
99	UBND xã Hoàng Ngọc	
100	UBND xã Hoàng Xuân	Thọ Xuân
101	UBND xã Xuân Giang	
102	UBND xã Hạnh Phúc	
103	UBND xã Xuân Thành	
104	UBND xã Xuân Trường	
105	UBND xã Xuân Hòa	Nông Cống
106	UBND xã Trường Sơn	
107	UBND xã Tượng Văn	
108	UBND thị trấn Nông Cống	
109	UBND xã Tế Lợi	Nga Sơn
110	UBND xã Minh Nghĩa	
111	UBND xã Nga An	
112	UBND xã Nga Thành	
113	UBND xã Nga Yên	
114	UBND xã Nga Hưng	Đông Sơn
115	UBND xã Nga Mỹ	
116	UBND thị trấn Rừng Thông	
117	UBND xã Đông Văn	
118	UBND xã Đông Phú	
119	UBND xã Đông Khê	

120	UBND xã Đông Ninh	
121	UBND xã Thiệu Trung	Thiệu Hóa
122	UBND xã Thiệu Hợp	
123	UBND xã Thiệu Đô	
124	UBND xã Thiệu Tiến	
125	UBND xã Thiệu Phú	
126	UBND thị trấn Triệu Sơn	Triệu Sơn
127	UBND xã Vân Sơn	
128	UBND xã Minh Sơn	
129	UBND xã Đông Thăng	
130	UBND xã Đông Tiến	
131	UBND xã Minh Dân	Hà Trung
132	UBND thị trấn Hà Trung	
133	UBND xã Hà Lĩnh	
134	UBND xã Hà Lai	
135	UBND xã Hà Vân	
136	UBND xã Hà Long	

Phụ lục II
DANH SÁCH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂM TRA TRỰC TIẾP TẠI TRỤ SỞ
(kèm theo Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 14/15/2018 của UBND tỉnh)

TT	Cơ quan, đơn vị	Thời gian kiểm tra (Dự kiến)	Ghi chú
1	Sở Xây dựng	17/7/2018	
2	Sở Tư pháp	19/7/2018	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	24/7/2018	
4	Sở Giao thông Vận tải	26/7/2018	
5	Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa	31/7/2018	
6	Ban Dân tộc	02/8/2018	
7	Ban Thi đua Khen thưởng (Sở Nội vụ)	07/8/2018	
8	Chi cục Quản lý thị trường (Sở Công thương)	09/8/2018	
9	Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường)	14/8/2018	
10	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (Sở Y tế)	16/8/2018	
11	Chi cục Điều tra và Phòng chống lụt bão (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	21/8/2018	
12	UBND huyện Hậu Lộc	23/8/2018	
13	UBND thành phố Thanh Hóa	28/8/2018	
14	UBND huyện Tĩnh Gia	30/8/2018	
15	UBND huyện Thọ Xuân	04/9/2018	
16	UBND huyện Ngọc Lặc	06/9/2018	
17	UBND huyện Yên Định	11/9/2018	
18	UBND huyện Thạch Thành	13/9/2018	
19	UBND Như Xuân	18/9/2018	
20	UBND huyện Cẩm Thủy	20/9/2018	
21	UBND huyện Thường Xuân	25/9/2018	
22	UBND huyện Bá Thước	27/9/2018	
23	UBND huyện Lang Chánh	02/10/2018	
24	UBND huyện Quan Sơn	04/10/2018	
25	UBND thành phố Sầm Sơn	09/10/2018	



Phụ lục 3

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, ĐUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2008

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số :103 /KH-UBND ngày 14/15/2018 của UBND tỉnh)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN ...
TÊN CƠ QUAN ...

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tự kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008

Thực hiện Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa, cơ quan ... báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 được áp dụng tại cơ quan với các nội dung sau:

1. Kiểm tra, đánh giá:

1.1. Kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hoạt động lãnh, chỉ đạo của lãnh đạo và Ban chỉ đạo ISO						
*1.1	Thành lập ban chỉ đạo	+	Quyết định thành lập	Chỉ đạo, điều hành đối với hoạt		*	

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	ISO			động của HTQL chất lượng.			
1.2	Kiện toàn Ban chỉ đạo ISO khi có sự thay đổi nhân sự	-	<i>Quyết định kiện toàn</i>	- Không hoạt động → chưa đáp ứng - Duy trì → đáp ứng - Tạo sự chuyển biến trong quản lý chất lượng công việc → tốt			
*1.3	Chính sách chất lượng		- Ngày tháng ban hành - Nơi niêm yết	- Không phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan → chưa đáp ứng - Phù hợp và được soát xét định kỳ → đáp ứng - Tạo mục tiêu phấn đấu cho hoạt động của cơ quan phát triển → tốt		*	
*1.4	Mục tiêu chất lượng của cơ quan		- Ngày tháng ban hành - Nơi niêm yết	- Không phù hợp với chức năng nhiệm vụ cơ quan → chưa đáp ứng - Phù hợp và được đánh giá kết quả định kỳ → đáp ứng - Tạo mục tiêu phấn đấu cho hoạt động của cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ → tốt		*	
1.5	Mục tiêu chất lượng của các phòng, bộ		<i>Số phòng đã thiết lập/ tổng số(có danh sách</i>	- Còn có phòng chưa thiết lập hoặc 50% số phòng có mục tiêu chất			

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	phận		<i>kèm theo)</i>	lượng không phù hợp với chức năng nhiệm vụ → chưa đáp ứng - 100% số phòng đã thiết lập và được đánh giá kết quả định kỳ → đáp ứng - Tạo mục tiêu phấn đấu cho hoạt động của bộ phận hoàn thành tốt nhiệm vụ → tốt			
2	Kiểm soát tài liệu , hồ sơ						
2.1	Ban hành hệ thống tài liệu		- <i>Danh mục tài liệu nội bộ HTQLCL theo Biểu mẫu của quy trình kiểm soát tài liệu</i> - <i>Danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài HTQLCL theo Biểu mẫu của quy trình kiểm soát tài liệu</i> <i>(Bản cứng hoặc địa chỉ/ đường dẫn lưu trên mạng, máy tính)</i>	- Chưa đầy đủ các tài liệu bắt buộc hoặc có tài liệu được ban hành không đúng quy trình → chưa đáp ứng - Có đầy đủ các tài liệu bắt buộc và tài liệu được ban hành đúng quy trình → đáp ứng - Hệ thống tài liệu phục vụ tốt cho hoạt động của cơ quan (rõ ràng, ngăn gọn, khoa học, gắn kết với công việc thực tế và có hiệu quả cho sử dụng) → tốt			
2.2	Phân phối và sử dụng		<i>Danh sách phân phối tài liệu theo Biểu mẫu</i>	- Chưa phân phối tài liệu đến toàn bộ các phòng, bộ phận → chưa			

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<i>quy định của quy trình kiểm soát tài liệu</i>	<p>đáp ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã phân phối tài liệu đến toàn bộ các phòng, bộ phận → đáp ứng - Việc phân phối đầy đủ kịp thời → tốt 			
2.3	Có kiểm soát hiệu lực của tài liệu		<i>Như mục 2.1</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu mới không được cập nhật, tài liệu lỗi thời chưa được loại bỏ → chưa đáp ứng - Tài liệu mới luôn được cập nhật, tài liệu lỗi thời được loại bỏ → đáp ứng - Việc kiểm soát đáp ứng kịp thời phục vụ tốt cho công việc chuyên môn → tốt 			
2.4	Kiểm soát hồ sơ		<i>Danh mục hồ sơ theo Biểu mẫu tại quy trình kiểm soát hồ sơ</i>	<ul style="list-style-type: none"> Chưa thiết lập danh mục hồ sơ chất lượng → chưa đáp ứng - Đã thiết lập danh mục hồ sơ chất lượng → đáp ứng - Đã thiết lập danh mục hồ sơ chất lượng, lưu hồ sơ theo quy định, dễ tìm, dễ sử dụng → tốt 			
3	Nguồn lực: phân công trách nhiệm,		<i>- Bản mô tả công việc / bản phân công trách</i>	<i>- Có phòng, bộ phận chưa thiết lập Bản phân công trách nhiệm quyền</i>			

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	quyền hạn và yêu cầu năng lực		<i>nhiệm quyền hạn</i>	hạn→ chưa đáp ứng - 100 % phòng, bộ phận thiết lập Bản phân công trách nhiệm quyền hạn→ đáp ứng - Cơ bản các nhiệm vụ được triển khai theo quy định về trách nhiệm và quyền hạn→ tốt			
4	Giải quyết công việc liên quan Thủ tục hành chính (TTHC) -- Công dân						
4.1	Có quy trình ISO		<i>Danh mục các TTHC được xây dựng theo quy trình ISO (thể hiện trong phạm vi áp dụng của Sổ tay chất lượng hoặc lập Bản danh mục riêng có viện dẫn đến mã số quy trình ISO)</i>	- Còn có TTHC chưa được nhận diện bởi quy trình theo HTQLCL ISO → chưa đáp ứng - Các TTHC được nhận diện bởi quy trình theo HTQLCL ISO → đáp ứng - Các TTHC thường xuyên giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đã được xây dựng chi tiết theo quy trình ISO → tốt			
4.2	Tuân thủ quy trình		<i>01 bộ biểu mẫu đã áp dụng theo quy định tại QĐ số 09/2015/QĐ-TTg (mẫu số 01÷04)</i>	- Các bước công việc không thực hiện theo quy trình, chưa thiết lập các Mẫu số 01 ÷ 04 tại QĐ số 09/2015/QĐ-TTg→ chưa đáp ứng - Các bước công việc được thực			

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				hiện theo quy trình và đã thiết lập các Mẫu số 01 ÷ 04 tại QĐ số 09/2015/QĐ-TTg → đáp ứng - Kiểm soát quá trình theo Mẫu số 04 tại QĐ số 09/2015/QĐ-TTg được tuân thủ và rút ngắn được thời gian giải quyết TTHC đạt trên 90% hồ sơ đúng và xong trước thời hạn → tốt			
5	Cải tiến						
*5.1	Đánh giá nội bộ		<i>Báo cáo đánh giá nội bộ (nếu đã tổ chức đánh giá) / kế hoạch đánh giá năm 2018 và báo cáo năm 2017 (nếu chưa đến kỳ đánh giá - trong vòng 12 tháng)</i>	- Còn có các phòng, bộ phận chưa được đánh giá và hoạt động đánh giá chưa tuân thủ đúng quy trình → chưa đáp ứng - Toàn bộ các phòng, bộ phận được đánh giá và hoạt động đánh giá tuân thủ đúng quy trình → đáp ứng - Việc đánh giá đã cải tiến hệ thống và mang lại hiệu quả → tốt		*	Gửi kèm hồ sơ
*5.2	Xem xét của lãnh đạo		<i>Biên bản họp có nội dung xem xét của lãnh đạo về HTQLCL năm</i>	- Nội dung xem xét chưa đầy đủ các yếu tố đầu vào theo yêu cầu của tiêu chuẩn → chưa đáp ứng		*	Gửi kèm hồ sơ

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
			<i>2018 hoặc biên bản năm 2017 nếu chưa đến kỳ họp (trong vòng 12 tháng)</i>	- Nội dung xem xét đầy đủ các yếu tố đầu vào theo yêu cầu của tiêu chuẩn → đáp ứng - Việc xem xét đã cải tiến hệ thống và mang lại hiệu quả → tốt			
5.3	Hành động khắc phục sau khi có phát hiện sự không phù hợp (nếu có)		<i>Các báo cáo hành động khắc phục</i>	- Hành động khắc phục chưa giải quyết được nguyên nhân → chưa đáp ứng - Hành động khắc phục giải quyết được nguyên nhân → đáp ứng - Hành động khắc phục đã cải tiến hệ thống và mang lại hiệu quả → tốt			Gửi kèm hồ sơ
*5.4	Công bố sự phù hợp HTQLCL; Sửa đổi bổ sung quy trình ISO và công bố lại		- <i>Quyết định công bố</i> - <i>Quyết định công bố lại</i>	- Thực hiện công bố, công bố lại chưa đúng trình tự theo quyết định số 19/2014/QĐ-TTg → chưa đáp ứng - Thực hiện công bố, công bố lại đúng trình tự theo quyết định số 19/2014/QĐ-TTg → đáp ứng - Công bố lại đúng trình tự theo quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và kịp thời khi có thay đổi về phạm		*	Gửi kèm hồ sơ Công bố lại

TT	Tiêu chí	Thực trạng (có: +; không: -)	Hồ sơ chứng minh(số, tên, ngày tháng ra văn bản)	Đánh giá mức độ hiệu lực, hiệu quả		Điểm	Ghi chú
				Chuẩn mực đánh giá	Mức độ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				vi áp dụng → tốt			
*5.5	Báo cáo tự kiểm tra đánh giá năm trước		<i>Văn bản báo cáo</i>	- Không đúng đề cương → chưa đáp ứng - Đúng theo đề cương → đáp ứng - Đúng theo đề cương đúng yêu cầu về thời gian, có báo cáo hành động khắc phục (nếu có của đoàn kiểm tra) → tốt		*	
	Tổng điểm (1+2+3+4+5)						

1.2. Hướng dẫn tự chấm điểm

1.2.1. Các tiêu chí do cơ quan, đơn vị chịu sự kiểm tra tự đánh giá, chấm điểm

Bảng tiêu chí tự kiểm tra, đánh giá bao gồm 17 tiêu chí, trong đó:

Các tiêu chí trọng tâm được đánh dấu (*) ở cột số (1)

- Cột (3):

- + Tích dấu (+), khi đã thực hiện nội dung tiêu chí;
- + Tích dấu (-), khi không thực hiện nội dung tiêu chí.

- Cột (5), cột (6): Được đánh giá khi nội dung tiêu chí đã được thực hiện, tức là cột (3) ở trạng thái (+)

- Cột (6): xếp loại:

- + Chưa đạt yêu cầu: Khi cột (3) ở trạng thái (-) hoặc cột (5) xếp ở mức độ chưa đáp ứng
- + Đạt yêu cầu: khi cột (5) xếp ở mức độ đáp ứng
- + Tốt: Khi cột (5) xếp ở mức độ tốt

- Cột (7) điểm:

+ Chưa đạt yêu cầu = 0 điểm

+ Đạt yêu cầu = 5 điểm

+ Tốt = 5.5 điểm

- Tại mục 5.3 Hành động khắc phục sau khi có phát hiện sự không phù hợp: Nếu cơ quan, đơn vị không có sự không phù hợp thì chấm điểm tối đa 5,5 điểm.

Mức xếp loại chung được tổng hợp như sau:

- Tốt: Có tổng điểm ≥ 91

- Đạt yêu cầu: Có tổng điểm từ 65 ÷ 90.5

- Chưa đạt yêu cầu:

+ Có 1 tiêu chí trọng tâm = 0 điểm, hoặc

+ Có tổng số điểm < 65

1.2.2. Phần chấm điểm của cơ quan kiểm tra

- **Điểm cộng: 6,5 điểm**

+ Cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm chặt chẽ, chính xác và thực hiện công tác báo cáo đúng thời gian quy định: Cộng 2,5 điểm;

+ Việc áp dụng HTQLCL giúp cải cách thủ tục hành chính đối với cơ quan áp dụng: Cộng 2 điểm;

+ Có cách làm hay, sáng tạo, đột phá trong công tác xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008: Cộng 2 điểm.

- **Điểm trừ: 6,5 điểm**

+ Chậm gửi báo cáo theo thời gian quy định; báo cáo không gửi kèm tài liệu chứng minh: Trừ 2,5 điểm

+ Không gửi báo cáo theo quy định: Trừ 4 điểm

1.3. Xếp loại chung: (chưa đạt yêu cầu, đạt yêu cầu, tốt)

2. Thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng:

3. Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

- Sở KHCN;

- Lưu: VT...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN